

CÔNG TY TNHH HANEFLEX VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HANEFLEX VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANEFLEX VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HANEFLEX (V) CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107317063

3. Ngày thành lập: 28/01/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 140 Khu TT Viện khoa học Nông nghiệp, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Đại lý bán vé máy bay Giao nhận vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu, bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng hoá	5229
7.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại Nhà nước cho phép)	4669
12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
13.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

16.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
17.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
18.	Dịch vụ phục vụ đồ uống chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	5630
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác	4511
26.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
27.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
29.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu Bán buôn máy móc, thiết bị vật tư khoa học kỹ thuật	4659(Chính)
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại Nhà nước cho phép)	4773
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại Nhà nước cho phép)	8299
39.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
40.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
41.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
42.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	9522
43.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
44.	Quảng cáo (loại Nhà nước cho phép)	7310
45.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (loại Nhà nước cho phép)	7320
46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu (loại Nhà nước cho phép)	7730
48.	Đại lý du lịch	7911
49.	Điều hành tua du lịch	7912

50.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 1.950.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ PHƯƠNG HOA	Khu tập thể nhà máy Pin Văn Điển, ngõ 70 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.365.000.000	70,000	01178223	
2	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Đội 9, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	585.000.000	30,000	012039964	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ THỊ PHƯƠNG HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 01178223

Ngày cấp: 11/01/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể nhà máy Pin Văn Điển, ngõ 70 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu tập thể nhà máy Pin Văn Điển, ngõ 70 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội